

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/DS-ST
Ngày: 08 - 01 - 2026.
V/v “Tranh chấp hợp đồng
cầm cố tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Việt

2. Ông Trương Hải Nam

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025, về “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2025/QĐST-DS ngày 15/12/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 33/2025/QĐST-DS ngày 31/12/2025 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần S ; địa chỉ trụ sở: 128, phường T, tỉnh Nghệ An; đại diện theo pháp luật: Ông S Ngerndamrong – Chủ tịch Hội đồng quản trị; đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Chính L, sinh năm 1996; CCCD: 044096006808, cấp ngày: 25/12/2022; địa chỉ: Số 119, H, xã L, tỉnh Quảng Trị, ông Lâm có mặt.

+ *Bị đơn:* Anh Hà Văn V, sinh năm 1992; CCCD: 044092004276, cấp ngày: 05/9/2022; địa chỉ: Thôn A, xã C, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/7/2025, bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Công ty Cổ phần S- ông Trần Chính L trình bày:

Theo giấy Đăng ký kinh doanh đã đăng ký thì Công ty Cổ phần (sau đây gọi là Công ty) hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực Cầm cố tài sản.

Vào ngày 28/06/2023, anh Hà Văn V đến Chi Nhánh Quảng Bình - Lệ Thủy 2 - Công ty cổ phần S của Công ty tại địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn M, xã C, tỉnh Quảng Trị), để ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số: CYM231101013NA23X được ký giữa các bên ngày

28/11/2023 thì anh Hà Văn V cầm cố tài sản là: 01 xe mô tô hai bánh BKS: 73H1-628. 73; Loại xe: HONDA WAVEA Màu: Bạc; Số khung: RLHJA393XPY095047; Số máy: JA70E0133095; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000422 do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 22/11/2023, để lấy số tiền là 10.300.000 đồng (mười triệu, ba trăm nghìn đồng); thời hạn cầm cố là 06 tháng (từ 28/11/2023 – 28/5/2024) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho anh Hà Văn V.

Do có nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày, nên Công ty có ký giấy cho anh Hà Văn V mượn lại xe để sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe 28/11/2023 – 28/12/2024, địa điểm trả xe là tại chi nhánh Quảng Bình - Lệ Thủy 2; anh Hà Văn V có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản thuê đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Quá trình trả nợ, anh Hà Văn V mới trả nợ cho Công ty tổng số tiền 7.657.000 đồng, trong đó số tiền gốc: 6.725.979 đồng; lãi và phí: 929.000 đồng. Đến nay anh Hà Văn V không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy đã cầm cố cho Công ty là vi phạm hợp đồng. Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà anh V tại thôn A, xã C, tỉnh Quảng Trị nhưng đều không gặp. Công ty đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để anh V trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho Công ty, nhưng anh Hà Văn V không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản của Công ty.

Từ nội dung sự việc trên, Công ty Cổ phần S quyết định khởi kiện buộc anh Hà Văn V phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 11/11/2025 số tiền 16.053.082 đồng (Mười sáu triệu không trăm năm mươi ba nghìn không trăm tám mươi hai đồng).

+ Gốc còn lại: 3.573.000 đồng.

+ Lãi trong hạn: $3.573.000 \times 1,1\% \times 17 = 668.151$ đồng

+ Lãi quá hạn: $668.151 \text{ đồng} \times 150\% = 1.002.226$ đồng

+ Phí hao mòn và bảo dưỡng : $618.000đ \times 17 = 10.506.000$ đồng

+ Phí quản lý hồ sơ : $3.573.000 \times 0,5\% \times 17 = 303.705$ đồng;

- Thời gian vi phạm hợp đồng từ ngày 28/3/2024 đến 11/11/2025 là 17 tháng.

Ngoài ra anh Hà Văn V còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Trong trường hợp anh V không có khả năng thanh toán số tiền theo hợp đồng buộc anh Hà Văn V phải có nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô hai bánh biển số: 73H1- 628. 73; Loại xe: HONDA WAVEA Màu: Bạc; Số khung: RLHJA393XPY095047; Số máy: JA70E0133095, theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh Quảng Bình - Lệ Thủy 2 - Công ty Cổ phần S số CYM231101013NA23X ngày 28/11/2023.

Tại phiên tòa, ông Trần Chính L trình bày:

Trước đây trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án Công ty Cổ phần S yêu cầu anh V phải trả:

Gốc còn lại: 3.573.000 đồng; lãi trong hạn: 668.151 đồng; lãi quá hạn: 1.002.226 đồng; phí hao mòn và bảo dưỡng 10.506.000 đồng; phí quản lý hồ sơ: 303.705 đồng. Nhưng tại phiên tòa, ông L chỉ yêu cầu anh V phải trả số tiền 4.929.422 đồng (Bốn triệu chín trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi hai

đồng) tạm tính đến ngày xét xử 08/01/2026; trong đó: Gốc còn lại: 2.929.821 đồng; lãi trong hạn: 676.788 đồng; lãi quá hạn: 1.015.182 đồng; phí quản lý hồ sơ: 307.631 đồng, xin rút yêu cầu về khoản phí hao mòn và bảo dưỡng với số tiền 10.506.000 đồng và 304.500 đồng phí giao dịch đảm bảo. Ngoài ra anh V còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo Hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 09/01/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Đối với bị đơn anh Hà Văn V:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị đã thông báo thụ lý vụ án gửi cho bị đơn kèm giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến các đương sự nhưng anh Vương đều vắng mặt, do đó vụ án không thể tiến hành hòa giải được. Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định tạm ngừng phiên tòa đến bị đơn hợp lệ nhưng anh Vương vẫn vắng mặt.

Theo trình bày của bà T (mẹ anh Hà Văn V) xác nhận: Hiện nay anh V đang đi làm ăn tại Sài Gòn, gia đình không liên lạc được. Việc vay mượn của anh V gia đình bà không biết và không liên quan. Gia đình bà sẽ thông báo cho anh V biết việc Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị thụ lý giải quyết việc Công ty Cổ phần S yêu cầu anh V phải trả số tiền theo yêu cầu của Công ty.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khu vực 4 - Quảng Trị phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đảm bảo quy định pháp luật.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; 228; Điều 244; Điều 266; Điều 269; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 309, 310, 313, 314, 401 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Hà Văn V phải trả cho Công ty Cổ phần S, tính đến ngày 08/01/2026, số tiền: 4.929.422 đồng (Bốn triệu chín trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng) trong đó: Gốc còn lại: 2.929.821 đồng; lãi trong hạn: 676.788 đồng; lãi quá hạn: 1.015.182 đồng; phí quản lý hồ sơ: 307.631 đồng; đình chỉ yêu cầu đối với khoản phí hao mòn và bảo dưỡng với số tiền 10.506.000 đồng và 304.500 đồng phí giao dịch đảm bảo.

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (08/01/2026) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên buộc bị đơn phải chịu nghĩa vụ về án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng cầm cố tài sản thuộc tranh chấp Giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự. Xét tại thời điểm giao kết hợp đồng cầm cố, anh Hà Văn V có địa chỉ nơi cư trú tại thôn A, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn A, xã C, tỉnh Quảng Trị); địa chỉ được thể hiện tại Hợp đồng cầm cố đã ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn. Như vậy, là quan hệ tranh chấp Hợp đồng cầm cố theo quy định tại Điều 309 Bộ luật dân sự năm 2015; tranh chấp phát sinh giữa tổ chức và cá nhân, trong giao dịch dân sự theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của bị đơn:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị đã thông báo thụ lý vụ án gửi cho bị đơn kèm giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến các đương sự nhưng anh Vương đều vắng mặt, do đó vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 15/12/2025 và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Bị đơn anh Hà Văn V đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập, niêm yết quyết định hoãn phiên tòa; Quyết định tạm ngừng phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc anh Hà Văn V thanh toán cho Công ty tính đến ngày 08/01/2026 số tiền: 4.929.422 đồng (Bốn triệu chín trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng) tạm tính đến ngày xét xử 08/01/2026; trong đó: Gốc còn lại: 2.929.821 đồng; lãi trong hạn: 676.788 đồng; lãi quá hạn: 1.015.182 đồng; phí quản lý hồ sơ: 307.631 đồng theo Hợp đồng cầm cố đã ký kết:

Xét về tính hợp pháp và hiệu lực của hợp đồng cầm cố:

Về chủ thể ký kết, các bên đều có năng lực hành vi dân sự, có ý chí tự nguyện thỏa thuận và ký kết. Về hình thức hợp đồng đúng theo quy định của Bộ luật dân sự. Mục đích của hợp đồng cầm cố không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 Bộ luật dân sự;

Về nội dung hợp đồng: Các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn 1.1%, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, Hợp đồng cầm cố CYM231101013NA23X được ký giữa các bên ngày 28/11/2023 là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký kết, các bên phải có trách nhiệm, nghĩa vụ thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã cam kết.

Trong quá trình thực hiện, phía Công ty đã thực hiện đúng nghĩa vụ, giải ngân cho anh V số tiền 9.995.500 đồng, anh V đã trả được 7.657.000 đồng, trong đó số tiền gốc: 6.728.000 đồng; lãi và phí: 929.000 đồng, đến sau ngày 11/3/2024 anh V không tiếp tục trả tiền theo hợp đồng là vi phạm thời hạn thanh toán được các bên thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng. Vì vậy, phía Công ty khởi kiện yêu cầu anh Vương trả nợ gốc còn lại, lãi phát sinh là có cơ sở.

[3] Đối với yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu anh V thanh toán khoản phí hao mòn và bảo dưỡng với số tiền 10.506.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản phí hao mòn và bảo dưỡng; phí giao dịch đảm bảo. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản phí hao mòn và bảo dưỡng; phí giao dịch đảm bảo là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về rút yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản phí hao mòn và bảo dưỡng; phí giao dịch đảm bảo là phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Đối với yêu cầu khoản phí quản lý hồ sơ 0,5% trên tổng dư nợ gốc, đây là sự thỏa thuận của các đương sự, không vi phạm đạo đức, điều cấm của pháp luật, sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện, do đó cần chấp nhận yêu cầu này.

[5] Đối với yêu cầu trả tài sản xe chiếc xe mô tô hai bánh biển số: 73H1-628. 73; Loại xe: HONDA WAVEA Màu: Bạc; Số khung: RLHJA393XPY095047; Số máy: JA70E0133095; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000422 Do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 22/11/2023 mang tên Hà Văn V: Hội đồng xét xử nhận thấy, tài sản cầm cố được Công ty đăng ký giao dịch bảo đảm là đúng với quy định tại Điều 289 Bộ luật Dân sự; Điều 4 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ. Theo Hợp đồng cầm cố các bên thỏa thuận tại Điều 10 Hợp đồng cầm cố thì nếu bên cầm cố vi phạm hợp đồng thì bên nhận cầm cố có quyền xử lý tài sản theo quy định của pháp luật, vì vậy Công ty yêu cầu trong trường hợp anh Vương không thanh toán số nợ trên thì Công ty có quyền yêu cầu xử lý tài sản cầm cố theo thỏa thuận tại Hợp đồng là có cơ sở.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc anh Hà Văn V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; 228; Điều 244; Điều 266; Điều 269; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 309, 310, 313, 314, 401 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S:

- Buộc anh Hà Văn V phải trả cho Công ty Cổ phần S tạm tính đến ngày 08/01/2026 số tiền: 4.929.422 đồng (Bốn triệu chín trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng); trong đó: Gốc còn lại: 2.929.821 đồng; lãi trong hạn: 676.788 đồng; lãi quá hạn: 1.015.182 đồng; phí quản lý hồ sơ: 307.631 đồng.

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (08/01/2026) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Trường hợp anh Hà Văn V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trả số tiền trên, thì buộc anh V phải có nghĩa vụ giao lại tài sản là chiếc xe mô tô hai bánh biển số: 73H1- 628. 73; Loại xe: HONDA WAVEA Màu: Bạc; Số khung: RLHJA393XPY095047; Số máy: JA70E0133095 cho Chi Nhánh Quảng Bình - Lê Thủy 2 - Công ty Cổ phần S theo Hợp đồng cầm cố số CYM231101013NA23X được ký ngày 28/11/2023 giữa Công ty Cổ phần Sawad Tiền Có Ngay và anh Hà Văn V.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Hà Văn V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) để sung vào Ngân sách nhà nước.

- Trả lại cho Công ty Cổ phần S số tiền 376.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000637 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/01/2026); bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV4;
- Phòng THADS KV4;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hương

